THU HÚT FDI VÀO VÙNG ĐÔNG NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH DỊCH CHUYỂN CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU: TRƯỜNG HỢP NHẬT BẢN, HÀN QUỐC

ThS. Vũ Hồng Nhung*

Bài nghiên cứu này phân tích việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) từ Nhật Bản và Hàn Quốc vào vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam, trong bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu do căng thẳng địa chính trị và chiến lược "China+1". Nghiên cứu đánh giá thực trạng FDI giai đoạn 2015-2024, dự báo xu hướng 2026-2030, và đề xuất các giải pháp như hoàn thiện chính sách, nâng cao hạ tầng, đào tạo nhân lực, và thúc đẩy liên kết cụm ngành. Kết quả cho thấy vùng Đông Nam Bộ có lợi thế cạnh tranh, nhưng cần cải cách để tăng hiệu quả lan tỏa công nghệ và phát triển bền vững. Nghiên cứu sử dụng phương pháp kết hợp định tính và định lượng, dựa trên dữ liệu từ MPI, JETRO và KOTRA.

• Từ khóa: *FDI; dịch chuyển chuỗi cung ứng; Nhật Bản; Hàn Quốc; vùng Đông Nam Bộ; Việt Nam.*

This study analyzes the attraction of foreign direct investment (FDI) from Japan and South Korea into the Southeast region of Vietnam, in the context of global supply chain shifts due to geopolitical tensions and the "China+1" strategy. The research assesses the current state of FDI from 2015-2024, forecasts trends for 2026-2030, and proposes solutions such as policy improvements, infrastructure enhancement, human resource training, and promoting industry cluster linkages. The results show that the Southeast region has competitive advantages but needs reforms to increase the effectiveness of technology diffusion and sustainable development. The study uses a combination of qualitative and quantitative methods, based on data from MPI, JETRO and KOTRA.

• Key words: *FDI; supply chain shift; Japan; South Korea; Southeast region; Vietnam.*

Ngày nhận bài: 21/01/2026
Ngày gửi phản biện: 20/02/2026
Ngày duyệt đăng: 18/3/2026
DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i309.52

1. Mở đầu

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hậu COVID-19 và căng thẳng địa chính trị Mỹ-Trung, dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu đã trở thành động lực chính thúc đẩy dòng vốn FDI hướng tới các nước đang phát triển như Việt Nam. Chiến lược "China+1" của các tập đoàn đa quốc gia (MNC) từ Nhật Bản và Hàn Quốc đã khiến Việt Nam nổi lên như một điểm đến hấp dẫn, với FDI từ hai quốc gia này chiếm tỷ lệ lớn trong tổng vốn đầu tư vào khu vực Đông Nam Á. Đầu tư luỹ kế tính đến đầu năm 2026, Hàn Quốc và Nhật Bản là hai nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất và thứ ba tại Việt Nam với tổng vốn luỹ kế lần lượt là hơn 80 tỷ USD (Hàn Quốc) và gần 79 tỷ USD (Nhật Bản), tập trung vào sản xuất công nghệ cao và xanh. Vùng Đông Nam Bộ, với lợi thế hạ tầng và lao động chất lượng cao, chiếm hơn 50% tổng FDI quốc gia, nhưng vẫn đối mặt với thách thức như tỷ lệ nội địa hóa thấp và thiếu nhân lực kỹ năng cao.

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng thu hút FDI từ Nhật Bản và Hàn Quốc vào vùng Đông Nam Bộ trong bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng, đồng thời đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào thời gian 2015-2025, không gian là TP. Hồ Chí Minh (bao gồm TP. Hồ Chí Minh và Bình Dương cũ), sử dụng phương pháp kết hợp định tính và định lượng. Mục tiêu là cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho chính sách, góp phần vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021-2030.

2. Tổng quan tài liệu và khung lý thuyết

Các nghiên cứu về FDI thường dựa trên các lý thuyết kinh tế quốc tế. Lý thuyết Vòng đời sản phẩm (Product life cycle theory) của Vernon

** Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam; email: hnswan@yahoo.com*

(1966) giải thích FDI như quá trình dịch chuyển sản xuất từ giai đoạn đổi mới sang trưởng thành để giảm chi phí. Lý thuyết Nội tại hoá (Internalization theory) của Buckley và Casson (1976) nhấn mạnh nội tại hóa lợi thế sở hữu để giảm rủi ro giao dịch. Mô hình OLI của Dunning (1993) kết hợp lợi thế sở hữu (Ownership), vị trí (Location), và nội tại hóa, đặc biệt phù hợp với bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng. Diamond Model hay còn gọi là mô hình kim cương của Porter (1990) và lý thuyết thể chế của North (1990) nhấn mạnh vai trò cụm ngành và chính sách nhà nước, chất lượng thể chế trong lợi thế cạnh tranh ảnh hưởng đến FDI.

Trong bối cảnh Việt Nam, các nghiên cứu gần đây của Choi et al. (2021) cho thấy FDI thúc đẩy hội nhập chuỗi giá trị toàn cầu (GVC), nhưng hiệu ứng lan tỏa hạn chế do liên kết yếu. Báo cáo UNCTAD (2025) dự báo FDI toàn cầu sẽ tăng 5-10% giai đoạn 2026-2030 nhờ dịch chuyển chuỗi cung ứng. Đối với Nhật Bản và Hàn Quốc, JETRO (2025) nhấn mạnh ASEAN là ưu tiên, trong đó, Việt Nam được hưởng lợi từ Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), một trong những hiệp định thương mại tự do lớn nhất thế giới. Có thể nhận thấy khoảng trống nghiên cứu ở đây thiếu những phân tích cụ thể về giải pháp thu hút FDI vào vùng Đông Nam Bộ trong bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận hỗn hợp: định tính để phân tích tài liệu từ các báo cáo MPI, JETRO, KOTRA và định lượng để xử lý dữ liệu FDI giai đoạn 2015-2024 bằng phần mềm thống kê SPSS. Phân tích SWOT được áp dụng để đánh giá nhân tố ảnh hưởng. Dữ liệu thứ cấp từ các nguồn như UNCTAD, World Bank, và khảo sát doanh nghiệp. Phạm vi tập trung vào doanh nghiệp FDI Nhật Bản và Hàn Quốc, với trường hợp vùng Đông Nam Bộ.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng FDI từ Nhật Bản và Hàn Quốc vào vùng Đông Nam Bộ (2015-2024)

Trong phạm vi quốc gia, vùng Đông Nam Bộ là khu vực có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Khu vực này bao gồm các trung tâm công nghiệp lớn, hệ thống khu công nghiệp phát triển và cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ. Do đó, Đông Nam Bộ luôn dẫn đầu cả nước về thu hút FDI.

Trong số các đối tác đầu tư, Nhật Bản và Hàn Quốc là hai quốc gia có mức độ đầu tư lớn và ổn định tại Việt Nam. Các doanh nghiệp từ hai quốc gia này đã đầu tư mạnh vào lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo, điện tử, cơ khí chính xác và công nghiệp hỗ trợ, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và thúc đẩy quá trình tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam.

Bảng số liệu dưới đây cho thấy quy mô và tỷ trọng dòng vốn FDI từ Nhật Bản và Hàn Quốc vào vùng này.

Vốn FDI của Hàn Quốc và Nhật Bản vào Đông Nam Bộ giai đoạn 2015 - 2024

Đối tác	2015			2024		
	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)	Tỷ lệ %	Số dự án	Vốn đăng ký (triệu USD)	Tỷ lệ %
Hàn Quốc	218	1.193,71	11,2	163	3.249,79	33,0
Nhật Bản	136	595,59	5,6	153	903,69	9,2
Các nước khác	623	8.895,88	83,2	1,518	5.697,35	57,8
Tổng cộng	**977**	**10.685,18**	**100,0**	**1.834**	**9.850,82**	**100,0**

Nguồn: Cục đầu tư nước ngoài

Trong khoảng thời gian từ 2015 đến 2024, tổng số dự án FDI tại vùng Đông Nam Bộ tăng mạnh 87.7% (từ 977 lên 1,834), cho thấy hoạt động đầu tư sôi nổi hơn do môi trường kinh doanh và các chính sách thu hút FDI trong vùng đã được cải thiện.

Năm 2015, vốn FDI của Hàn Quốc vào vùng Đông Nam Bộ đạt 1.193,71 triệu USD, chiếm 11,2% tổng vốn FDI của vùng. Trong khi đó, Nhật Bản đạt 595,59 triệu USD, chiếm 5,6%. Như vậy, quy mô vốn đầu tư của Hàn Quốc gấp khoảng 2 lần Nhật Bản trong năm này.

Đến năm 2024, vốn FDI của Hàn Quốc tăng mạnh lên 3.249,79 triệu USD, chiếm 33,0% tổng vốn FDI của vùng. So với năm 2015, quy mô vốn tăng khoảng 2,7 lần. Trong khi đó, Nhật Bản đạt 903,69 triệu USD, chiếm 9,2%, tăng khoảng 1,5 lần so với năm 2015.

Điều này cho thấy Hàn Quốc đang gia tăng mạnh mẽ sự hiện diện đầu tư tại vùng Đông Nam

Bộ, trong khi mức tăng của Nhật Bản diễn ra ổn định nhưng chậm hơn.

Tổng vốn FDI vào vùng Đông Nam Bộ giảm nhẹ từ 10.685,18 triệu USD năm 2015 xuống 9.850,82 triệu USD năm 2024. Tuy nhiên, trong bối cảnh đó, Hàn Quốc và Nhật Bản vẫn gia tăng vốn đầu tư, đặc biệt là Hàn Quốc. Điều này cho thấy hai quốc gia Đông Bắc Á này đang trở thành nguồn FDI quan trọng và ổn định của vùng.

4.2. Bối cảnh và dự báo dịch chuyển chuỗi cung ứng (2026-2030)

Theo báo cáo của UNCTAD (2025), dòng vốn FDI toàn cầu tiếp tục biến động trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau đại dịch, lạm phát kéo dài và căng thẳng địa chính trị. Năm 2024, FDI toàn cầu ước giảm khoảng 10-11% so với năm trước. Tuy nhiên, khu vực châu Á vẫn duy trì vai trò là trung tâm thu hút đầu tư, trong đó ASEAN nổi lên như một điểm đến quan trọng của dòng vốn dịch chuyển chuỗi cung ứng. Năm 2024, ASEAN thu hút khoảng 235 tỷ USD FDI, và xu hướng này tiếp tục duy trì trong năm 2025 nhờ quá trình đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu. Căng thẳng thương mại giữa United States và China, bắt đầu từ năm 2018 và tiếp tục kéo dài trong giai đoạn 2024-2025, đã thúc đẩy chiến lược "China+1", khiến nhiều doanh nghiệp quốc tế dịch chuyển một phần hoạt động sản xuất sang các nền kinh tế như Việt Nam, Ấn Độ và Mexico. Báo cáo của McKinsey (2025) cho thấy 40% doanh nghiệp Mỹ dự kiến di dời ít nhất một phần chuỗi cung ứng về Bắc Mỹ hoặc châu Á đến năm 2026, tăng FDI vào ASEAN khoảng 15-20% hàng năm. Trong bối cảnh bất ổn địa chính trị gia tăng, các sự kiện như khủng hoảng vận tải tại khu vực Biển Đỏ tiếp tục làm gián đoạn chuỗi logistics toàn cầu, buộc các doanh nghiệp phải đa dạng hóa địa điểm sản xuất và nguồn cung.

Đối với Nhật Bản và Hàn Quốc, hai nguồn FDI lớn nhất châu Á, báo cáo JETRO (2024) cho thấy Nhật Bản duy trì vị thế dẫn đầu ở ASEAN với các dự án dài hạn, tăng đầu tư vào Việt Nam và Thái Lan do dịch chuyển chuỗi cung ứng. FDI Hàn Quốc tăng ổn định ở ASEAN+3, tập trung vào bán dẫn và năng lượng tái tạo, với kế hoạch hợp tác ASEAN-ROK 2026-2030 nhấn mạnh đầu tư bền vững. Trong bối cảnh này, Việt Nam hưởng lợi từ vị trí trung lập, với căng thẳng Mỹ-Trung xếp hạng thứ hai trong các yếu tố thúc đẩy FDI "chuyển hướng". Các hiệp định FTA như RCEP (loại bỏ 90% thuế quan), CPTPP (tăng GDP Việt Nam 1,1% đến 2030) và EVFTA (tăng xuất khẩu sang châu Âu 42,7%) đã củng cố vị thế, giúp Việt Nam tích hợp sâu hơn vào GVC.

Bối cảnh trong nước, Việt Nam đã thu hút kỷ lục 36,6 tỷ USD FDI năm 2023, và đến năm 2025, tổng FDI đăng ký đạt khoảng 38-39 tỷ USD, với giải ngân 27-28 tỷ USD, tăng 9% so với năm trước. Đến tháng 1/2026, FDI đăng ký giảm 40,6% xuống 2,58 tỷ USD do ảnh hưởng địa chính trị, nhưng giải ngân tăng 11,3% lên 1,68 tỷ USD, cao nhất trong 5 năm. Luật Đầu tư 2020 và Chiến lược Hợp tác đầu tư nước ngoài 2021-2030 (Nghị quyết 50-NQ/TW) ưu tiên FDI chất lượng cao, vùng Đông Nam Bộ tuy được hưởng lợi từ hạ tầng như sân bay Long Thành và cao tốc Bắc-Nam nhưng lại đối mặt với cạnh tranh gay gắt từ Thái Lan, Indonesia và Malaysia, đặc biệt trong thu hút FDI Nhật Bản.

Bên cạnh đó, việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP), Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) và EU-Vietnam Free Trade Agreement (EVFTA) đã giúp Việt Nam cải thiện khả năng tiếp cận thị trường quốc tế và tăng cường hội nhập vào các chuỗi giá trị toàn cầu (GVC). Các hiệp định này dự kiến góp phần gia tăng xuất khẩu và thúc đẩy dòng vốn đầu tư nước ngoài trong các ngành sản xuất định hướng xuất khẩu.

4.3. Giải pháp thu hút FDI

Phân tích SWOT trong thu hút FDI Nhật Bản và Hàn Quốc vào vùng Đông Nam Bộ

Dựa trên khung lý thuyết OLI (Dunning) và Diamond Model (Porter), kết hợp dữ liệu thực tiễn từ giai đoạn 2015-2024 và dự báo 2026-2030, tác giả xây dựng bảng phân tích SWOT trong thu hút FDI từ Nhật Bản và Hàn Quốc, cụ thể, tập trung vào bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu.

Strengths (điểm mạnh): Đông Nam Bộ sở hữu vị trí địa lý chiến lược, hệ thống hạ tầng công

nghiệp tương đối phát triển và quy mô thị trường lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư quốc tế mở rộng hoạt động sản xuất và xuất khẩu. Bên cạnh đó, việc Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP) và Comprehensive and Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership (CPTPP) góp phần tăng cường mức độ hội nhập kinh tế và nâng cao khả năng kết nối của khu vực với chuỗi giá trị toàn cầu.

Weaknesses (điểm yếu): Một số điểm yếu như chi phí đất đai và lao động ngày càng tăng, tình trạng quá tải hạ tầng tại một số trung tâm công nghiệp, cũng như mức độ liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa còn hạn chế. Thể chế chưa đồng bộ với thủ tục hành chính rườm rà, thiếu nhân lực chất lượng cao với tỷ lệ nội địa hóa thấp, chi phí logistics cao dẫn đến hạn chế lan tỏa công nghệ và phụ thuộc vào lao động giá rẻ.

Opportunities (cơ hội): Bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu đang tạo ra nhiều cơ hội để thu hút dòng vốn đầu tư mới từ các nền kinh tế phát triển, đặc biệt là từ Nhật Bản và Hàn Quốc, khi các doanh nghiệp có xu hướng đa dạng hóa địa điểm sản xuất nhằm giảm thiểu rủi ro địa chính trị. nổi bật từ chiến lược "China+1" do căng thẳng Mỹ-Trung, thúc đẩy FDI tăng 15-20% hàng năm vào ASEAN (UNCTAD, 2025), kết hợp các FTA như RCEP và CPTPP giảm thuế quan 90-99%, mở rộng đầu tư xanh và bán dẫn cho phép vùng Đông Nam Bộ trở thành trung tâm chuỗi cung ứng châu Á.

Threats (thách thức)

Vùng Đông Nam Bộ đang phải đối mặt với cạnh tranh gay gắt từ Thái Lan, Indonesia với hạ tầng vượt trội và ưu đãi R&D mạnh mẽ, rủi ro địa chính trị từ hàng rào thuế quan Mỹ và suy thoái toàn cầu cũng như yêu cầu ESG nghiêm ngặt có thể làm mất cơ hội nếu không cải thiện kịp thời.

Việc vận dụng phân tích SWOT giúp xác định rõ các yếu tố lợi thế và hạn chế của khu vực, qua đó làm cơ sở khoa học cho việc đề xuất các chính sách và giải pháp nhằm tối ưu hóa lợi thế vị trí và thúc đẩy nội tại hóa lợi thế sở hữu, nâng cao năng lực cạnh tranh trong thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao vào vùng Đông Nam Bộ trong giai đoạn tới. Tác giả đề xuất sáu giải pháp cụ thể:

Hoàn thiện chính sách, thể chế

Cần xây dựng khung pháp lý đồng bộ, minh bạch theo chuẩn quốc tế, giảm thủ tục hành chính rườm rà do hiện nay còn chồng chéo giữa Luật Đầu tư và Luật Đất đai. Chuyển đổi ưu đãi thuế từ lợi nhuận sang chi phí và hiệu quả, như hỗ trợ 50% thuế cho R&D tương tự Thái Lan, và áp dụng quy tắc thuế tối thiểu toàn cầu 15% để tránh thất thu. Tận dụng FTA như VKFTA và VJEPA để giảm thuế quan. Tại vùng Đông Nam Bộ, thành lập cơ quan liên ngành quản lý FDI tương tự như JETRO nhằm thúc đẩy xúc tiến đầu tư chiến lược qua diễn đàn Việt-Nhật và Việt-Hàn. Ngoài ra, triển khai Nghị định 19/2025 để rút ngắn thời gian phê duyệt IRC xuống 15 ngày, đặc biệt cho dự án bán dẫn từ Hàn Quốc.

Nâng cao hạ tầng cứng & mềm

Đầu tư GDP vào hạ tầng, với trọng tâm là vùng Đông Nam Bộ qua các dự án như vành đai 3 và cao tốc Bắc-Nam để giảm chi phí logistics. Áp dụng Smart Grid theo PDP8 (Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia của Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050) để đảm bảo độ tin cậy năng lượng 99,9%. Về hạ tầng mềm, triển khai e-government với blockchain để minh bạch hóa cấp phép, giảm thời gian từ 45-60 ngày xuống dưới 30 ngày. Hợp tác với Nhật Bản qua ODA để xây dựng hệ thống ITS, giảm ùn tắc giao thông giữa các tỉnh, thành phố trong khu vực.

Đào tạo nhân lực & hệ sinh thái công nghệ

Hợp tác với JICA và KOICA để xây dựng chương trình đào tạo STEM+AI, như mô hình "Kosen" của Nhật Bản tại Đại học Việt Nhật, nhằm đào tạo 50.000 kỹ sư bán dẫn đến 2030, tăng chi tiêu R&D lên 2% GDP, ưu tiên AI và IoT theo Nghị quyết 57-NQ/TW. Tại Đông Nam Bộ, xây dựng "mega-city" tại TP. Hồ Chí Minh, hợp tác với Samsung để huấn luyện 50.000 lao động/năm.

Khảo sát JETRO (2024) cho thấy 56,1% doanh nghiệp Nhật gặp khó khăn tuyển dụng,

nên cần thiết phải mở rộng chính sách nhập cư cho chuyên gia. Xây dựng quỹ hỗ trợ startup từ FDI, tăng tỷ lệ chương trình đại học hợp tác quốc tế lên 20%.

Xúc tiến đầu tư có trọng tâm

Chuyển từ xúc tiến đại trà sang chủ động, tập trung đối tác Nhật Bản và Hàn Quốc qua đại diện tại Tokyo và Seoul. Tổ chức hội thảo "Gặp gỡ người mua" để kết nối chuỗi cung ứng, như chương trình của Samsung với 200 SME Việt Nam. Hợp tác với JICA và KOICA qua "twin-promotion", minh bạch hóa danh mục 157 dự án quốc gia để thu hút bán dẫn và năng lượng tái tạo.

Liên kết cụm - nội địa hóa - SME địa phương

Xây dựng cụm ngành theo mô hình Keiretsu (Nhật) và Chaebol (Hàn), với ủy ban liên ngành hỗ trợ kết nối cung-cầu qua nền tảng B2B. Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa địa phương qua đào tạo Kaizen và chứng nhận ISO nhằm tăng nội địa hóa trong chế tạo. Thực hiện ưu đãi thuế cho liên doanh, trợ cấp chi phí đào tạo để các doanh nghiệp Việt Nam trở thành nhà cung cấp cấp 1.

Môi trường - năng lượng - tuân thủ quốc tế

Ưu tiên dự án xanh theo Luật Bảo vệ Môi trường 2020, áp dụng yêu cầu EIA (Environmental Impact Assessment) nghiêm ngặt và tuân thủ ESG (Environmental, Social, and Governance) như ISO 14001 và CBAM của EU. Hỗ trợ năng lượng tái tạo với "vành đai năng lượng xanh" quanh TP.HCM. Giám sát qua hệ thống quan trắc tự động và trái phiếu xanh, đảm bảo tuân thủ quy định của Liên minh Châu Âu

Các giải pháp này sẽ nâng cao sức hút FDI của vùng Đông Nam Bộ, thúc đẩy lan tỏa công nghệ và hội nhập chuỗi cung ứng toàn cầu, phù hợp với dự báo tăng trưởng từ dịch chuyển chuỗi cung ứng.

Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích thực trạng thu hút FDI từ Nhật Bản và Hàn Quốc vào vùng Đông Nam Bộ trong bối cảnh dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu. Kết quả cho thấy khu vực này tiếp tục giữ vai trò trung tâm thu hút FDI của Việt Nam nhờ lợi thế về vị trí địa lý, hạ tầng công nghiệp và mức độ hội nhập kinh tế quốc tế. Trong giai đoạn 2015-2024, dòng vốn từ hai quốc gia này duy trì xu hướng tăng, đặc biệt trong các ngành công nghiệp chế biến chế tạo và công nghệ cao.

Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt trong khu vực, việc tận dụng cơ hội từ chiến lược "China+1" và các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có ý nghĩa quan trọng. Trên cơ sở phân tích SWOT, nghiên cứu đề xuất các định hướng chính sách gồm hoàn thiện thể chế đầu tư, nâng cấp hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy công nghiệp hỗ trợ và tăng cường xúc tiến đầu tư có trọng tâm. Những giải pháp này sẽ góp phần nâng cao chất lượng dòng vốn FDI và tăng cường vai trò của vùng Đông Nam Bộ trong chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tài liệu tham khảo:

Cong thuong. (2025). FDI Nhật Bản vào Việt Nam sẽ tăng năm 2025. https://congthuong.vn/fdi-nhat-ban-vao-viet-nam-se-tang-nam-2025-373327.html

Đảng Cộng sản Việt Nam. (2019). Nghị quyết số 50-NQ/TW. https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-50-nqtw-ngay-2082019-cua-bo-chinh-tri-ve-dinh-huong-hoan-thien-the-che-chinh-sach-nang-cao-chat-luong-hieu-qua-5629

Minh Ngọc Nguyễn. (2025). Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam. https://www.statista.com/topics/13056/foreign-direct-investment-fdi-into-vietnam

Choi, J. et al. (2021). The Role of Vietnam's FDI Inflows in Global Value Chains Participation and Economic Growth. AMRO working paper. https://www.amro-asia.org/wp-content/uploads/2021/05/The-Role-of-Vietnams-FDI-Inflows-in-Global-Value-Chains-Participation-and-Economic-Growth.pdf

Dunning, J. H. (1993). Multinational Enterprises and the Global Economy. Addison-Wesley.

Energy Transition Partnership. (2025). Development of Vietnam Smart Grid Roadmap. https://www.energytransitionpartnership.org/wp-content/uploads/2025/07/SC-Development-of-Vietnam-Smart-Grid-Roadmap-for-period-up-to-year-2030-with-a-vision-to-2050.pdf

Farole and Winkler. (2014). Making Foreign Direct Investment Work for Sub-Saharan Africa. World Bank Publication.

Fitch Ratings. (2023). Vietnam's PDP8 Roadmap for Energy Transition. https://www.fitchratings.com/research/corporate-finance/vietnams-pdp8-roadmap-for-energy-transition-sets-ambitious-medium-term-targets-12-06-2023

JETRO. (2024). 2024 Survey on Business Conditions of Japanese Companies Operating Overseas. https://www.jetro.go.jp/ext_images/en/reports/survey/pdf/2024/EN_Asia_and_Oceania_2024_r4.pdf

JETRO. (2025). Global Trade and Investment Report 2025. https://www.jetro.go.jp/ext_images/en/reports/white_paper/trade_invest_2025.pdf

Mai Hương Giang and Bùi Huy Trung. (2025). The impact of free trade agreements on foreign direct investment inflows. Bussiness Perspectives, 22(3), 1-13.

UN. (2024). ASEAN Investment Report 2024. https://asean.org/wp-content/uploads/2024/10/AIR2024-3.pdf

UNCTAD. (2025). World Investment Report 2025. https://unctad.org/publication/world-investment-report-2025

Vernon, R. (1966). International Investment and International Trade in the Product Cycle. The Quarterly Journal of Economics, 80(2), 190-207.

CPRD. (2021). https://cpbrd.congress.gov.ph/wp-content/uploads/2023/09/FF2021-68-2020-Human-Capital-Index.pdf